

Số: 46/BC-UBND

Ngọc Kỳ, ngày 09 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022

Thực hiện Công văn số 281/UBND-NV ngày 07 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. UBND xã Ngọc Kỳ báo cáo kết quả triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Tứ Kỳ về cải cách hành chính nhà nước huyện Tứ Kỳ năm 2022. Ngày 30/12/2021, UBND xã xây dựng kế hoạch số 26/KH-UBND, trong kế hoạch nêu rõ tầm quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ CCHC đó là tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương; của các bộ, ngành; của tỉnh, của huyện về công tác CCHC. Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của xã. Các nhiệm vụ công tác CCHC năm 2022 bám sát vào chỉ đạo của các cấp, cụ thể hoá các chỉ tiêu, nhiệm vụ gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, đồng thời lấy CCHC là một trong những tiêu chí quan trọng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với tập thể, cá nhân.

Cùng với Kế hoạch CCHC, UBND xây dựng các Kế hoạch như: Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng; ứng dụng công nghệ thông tin; tuyên truyền CCHC, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; thi đua khen thưởng gắn với CCHC; xây dựng và cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; công khai và minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định

Ngày 26/01/2022, UBND xã tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện công tác CCHC và các kế hoạch. Thực hiện được 05 tin trên đài truyền thanh huyện; 53 lượt tin, bài tuyên truyền qua hệ thống Đài truyền thanh xã; tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã; nhiều lượt tuyên truyền, quán triệt trong thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể. Tuyên truyền trực tiếp khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC, niêm yết công khai các TTHC; quy trình giải quyết.

Qua thực hiện công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức (*những người trực tiếp thực hiện, tham mưu thực hiện công tác CCHC tại địa phương*); giúp tổ chức, công dân nắm bắt được mục đích, yêu cầu, nội dung trong công tác CCHC, từ đó tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) UBND xã đã ban hành các văn bản đề chủ động thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, cụ thể:

Văn phòng - Thống kê, đã tham mưu cho UBND xã ban hành Kế hoạch Kế hoạch số 26/KH - UBND ngày 30/12/2021 về cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; kế hoạch tự kiểm tra thực hiện cải cách hành chính năm 2022; Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; Kế hoạch thi đua khen thưởng gắn với CCHC năm 2022.

Công chức Tư pháp xã tham mưu cho UBND xã ban hành, kế hoạch số 12/KH - UBND ngày 14/02/2022 về công tác công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn; Kế hoạch số 13/KH-UBND thực hiện công tác kiểm tra, xử lý rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL; Kế hoạch số 11/KH-UBND phổ biến GDPL, hòa giải, xây dựng xã đạt chuẩn pháp luật; Kế hoạch số 17/KH-UBND về thi hành pháp luật về QLVPHC; Kế hoạch số 16/KH-UBND theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành; Kế hoạch về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Công chức Văn hóa xã hội tham mưu cho UBND xã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước; Kế hoạch về tuyên truyền cải cách hành chính...

Công chức tài chính kế toán tham mưu ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND về phòng chống tham nhũng, lãng phí năm 2022; quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

b) Việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý của UBND xã: Thường xuyên chỉ đạo Đài truyền thanh xã tăng cường tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kiểm soát thủ tục hành chính

UBND xã xây dựng, ban hành và triển khai các văn bản gồm:

- Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 09/02/2022 về kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã Ngọc Kỳ năm 2022.

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/02/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn xã Ngọc Kỳ.

- Công văn số 48/UBND - VP, ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo Quyết định số 1217/QĐ - UBND, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương (*giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3,4 các tháng tiếp theo đạt thấp nhất 50%*).

Chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn trong quá trình tham mưu và trực tiếp giải quyết các TTHC chủ động thực hiện việc rà soát, cập nhật, thống kê các

thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã để kịp thời niêm yết công khai; phát hiện, kiến nghị cấp trên sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các quy định TTHC không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở cho việc thực hiện của tổ chức, công dân (6 tháng đầu năm 2022, qua rà soát chưa phát hiện và kiến nghị nội dung nào); thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính và quy định hành chính liên quan.

b) Việc công khai thủ tục hành chính tại UBND xã: UBND xã đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận một cửa; hình thức niêm yết bằng "Bảng gắn trên tường"; vị trí, hình thức, cách thức niêm yết thuận lợi cho việc tìm hiểu, trao đổi, ghi chép, tra cứu thông tin về TTHC, theo kế hoạch kiểm soát TTHC và tự kiểm tra công tác CCHC. Cán bộ, công chức chuyên môn thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật, niêm yết bổ sung hoặc thay thế các thủ tục, thành phần TTHC khi có thay đổi.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương 151, có 17 TTHC liên thông; 26 TTHC theo ngành dọc (quân sự, công an).

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, minh bạch, thuận tiện cho việc theo dõi, tra cứu và giám sát của công dân. UBND xã đã thực hiện việc công khai các quy định, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính, cụ thể như sau: Số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết: 593 hồ sơ, trong đó trả trước hạn và đúng hạn 593 hồ sơ, không có hồ sơ trả quá hạn; Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông 593 hồ sơ, đạt 100% tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết. Số hồ sơ mức độ 3,4 là: 127 hồ sơ, đạt tỷ lệ 21, 4% tăng nhanh so với đầu năm.

+ UBND bố trí 4 công chức làm việc tại Bộ phận một cửa (Văn phòng-Thống kê; Tư pháp-Hộ tịch; Địa chính-Xây dựng; Văn hóa -Xã hội). Cơ sở vật chất đảm bảo. Các chế độ hỗ trợ công chức được quan tâm.

Trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, UBND xã không để xảy ra tình trạng quá hạn, sai sót, vi phạm trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; đồng thời cũng không nhận được trường hợp khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

Các thủ tục hành chính đã giải quyết được lưu trữ vào hệ thống sổ sách theo quy định, riêng lĩnh vực hộ tịch được giải quyết và lưu trữ đồng thời trên sổ sách và trên phần mềm. Công chức tư pháp làm việc tại bộ phận một cửa thường xuyên chịu trách nhiệm cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa liên thông đảm bảo đúng quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ

Tổng số biên chế được giao trong năm 18. Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu dân cư 15 người.

4. Cải cách chế độ công vụ

Cán bộ, công chức UBND xã cơ bản đáp ứng về trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị theo yêu cầu vị trí việc làm và trong quá trình thực thi công vụ. Hiện tại, xã có 18 cán bộ, công chức, người lao động (*trong đó: có 10 cán bộ, 8 công chức*). Về trình độ chuyên môn: 15 đại học, trung cấp 03. Về trình độ lý luận chính trị: 13 trung cấp, 05 sơ cấp.

- Ngày 08/02/2022 UBND xã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2022. UBND xã luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Cán bộ, công chức UBND xã cơ bản chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, không lạm dụng và không đùn đẩy công việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm cho người khác. Cấp dưới phải thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, điều hành, yêu cầu của cấp trên. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung chỉ đạo theo yêu cầu của cấp trên đảm bảo tiến độ, chính xác, chất lượng. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc công chức thực hiện nhiệm vụ, các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo UBND xã giao. Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đúng giờ giấc làm việc, trang phục công sở, văn hóa ứng xử nơi công sở, đeo thẻ cán bộ, công chức; ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân tận tình, chu đáo. Thường xuyên đôn đốc thực hiện quy chế làm việc của UBND xã; nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời đối với cán bộ, công chức, người lao động không chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ. 6 tháng đầu năm 2022 xã không có cán bộ, công chức vi phạm phải xử lý kỷ luật.

5. Cải cách tài chính công

- Ngay từ đầu năm, căn cứ Quyết định số 15274 /QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách xã, thị trấn năm 2022. UBND xã đã xây dựng kế hoạch phân bổ dự toán thu, chi đúng định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi tiêu tài chính của ban, ngành, bộ phận tại đơn vị. Từ đó tạo sự chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý và chi tiêu tài chính của từng ban, ngành, bộ phận tại đơn vị, thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng theo quy định.

Ngày 15/02/2022 UBND xã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm triển khai có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng các nguồn lực nhà nước, khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo chuyển biến rõ nét trong ngăn chặn và đẩy lùi lãng phí. UBND xã thường xuyên

làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với tinh thần cần, kiệm, liêm, chính.

- UBND xã đã bám sát vào hướng dẫn những nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ - CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ - CP ngày 07/ 10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ - CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- + Kết quả thực hiện thu Ngân sách Nhà nước tính đến tháng 5 năm 2022: 5,76 tỷ đồng, đạt 44,17% kế hoạch.

- + Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: 3,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Đề chủ động sử dụng kinh phí được giao, quản lý sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả. Ngày 18/01/2022 UBND xã ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND về Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan UBND xã Ngọc Kỳ căn cứ theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước sau khi đã lấy ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ quan và được công khai trong toàn cơ quan, đồng thời gửi đến Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi theo quy định.

Ngày 09/01/2022 UBND xã ban hành Quy chế quản lý tài sản công tại đơn vị nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Từ đó các bộ phận, cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm cũng như phải chịu trách nhiệm nếu xảy ra mất mát, chiếm dụng hoặc sử dụng trái phép tài sản công của cơ quan. Việc quản lý, sử dụng các tài sản được thực hiện công khai, minh bạch, theo dõi, hạch toán đầy đủ về mặt hiện vật và giá trị theo quy định của Nhà nước.

Công khai dự toán thu, chi ngân sách sau khi đã được hội đồng nhân dân xã phê duyệt. Công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, UBND xã làm tốt công tác tuyên truyền lồng ghép thông qua các hội nghị của các ngành, đoàn thể để tuyên truyền tới đoàn viên, hội viên, nhân dân; tuy nhiên do trình độ dân trí không đồng đều nên việc tiếp cận các dịch vụ từ môi trường điện tử còn chậm, chưa mang lại kết quả cao.

- Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND xã mang lại hiệu quả cao như công tác số hóa hộ tịch.

- Thực hiện tích hợp dịch vụ công của UBND cấp tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia mang lại hiệu quả cao, tuy nhiên nhiều lĩnh vực TTHC chưa có phát sinh hồ sơ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư 01/2018/TT-VPCP về việc thực hiện Nghị định 61/2018 của Chính phủ; Kế hoạch kiểm soát TTHC Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã Ngọc Kỳ năm 2022.

- Xây dựng Kế hoạch số 01A/KH-UBND ngày 14/01/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an ninh thông tin mạng trên địa bàn xã Ngọc Kỳ năm 2022. Chỉ đạo, quản lý điều hành trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc nên đã tiết kiệm được giấy, mực. Từ đó tiết kiệm được nguồn ngân sách cho địa phương, 100% văn bản ban hành được ký số; các văn bản chuyển cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, người lao động đều gửi qua mail công vụ và hồ sơ công việc.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã đi vào hoạt động ổn định, đã sử dụng có hiệu quả các phần mềm để thực hiện công tác chuyên môn như: Xử lý văn bản đi, đến; quản lý hộ tịch, quản lý trẻ em, bảo hiểm y tế, phần mềm kế toán, sử dụng bản đồ số về quản lý đất đai, phần mềm quản lý cán bộ, công chức. Tiếp tục duy trì, triển khai thực hiện việc áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các bộ phận chuyên môn.

III.ĐÁNH GIÁCHUNG

1. Mặt tích cực

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã tập trung xây dựng kế hoạch, quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính, bước đầu có chuyển biến tích cực hiệu quả, mức độ hoàn thành TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử mang lại hiệu quả và đạt một số kết quả nêu trên.

Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, 4 tháng 4, tháng 5; tăng vượt bậc so với đầu năm và đứng thứ nhất trên toàn huyện.

2.Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đạt hiệu quả chưa cao; kinh phí phục vụ còn hạn chế.

- Công tác thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 chưa đạt theo kế hoạch đề ra, nguyên nhân dịch bệnh COVID 19 ảnh hưởng đến công tác của một số đồng chí khi bị mắc Covid do vậy chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật có lúc chưa thường xuyên; hình thức phổ biến chưa đa dạng, phong phú để thu hút nhiều đối tượng tham gia.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1.Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về cải

cách hành chính nhà nước; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính của UBND xã năm 2022; thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và rà soát thủ tục hành chính.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại cơ quan. Chú trọng triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4. Tập trung cải cách tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cán bộ, công chức.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan.

5. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với cơ quan.

6. Tiếp tục quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

7. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; phấn đấu đạt kế hoạch đề ra và yêu cầu cán bộ công chức thực hiện phần mềm một cửa đầy toàn bộ đủ thông tin cũng như các thủ tục hành chính lên phần mềm nhất là phần TTHC thể chấp hợp đồng và TTHC chứng thực chữ ký theo quy định.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022. UBND xã Ngọc Kỳ trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- UBND huyện Tứ Kỳ;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã;
- Công chức UBND xã;
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Thoảng

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU
BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÃ NGỌC KỲ
(Kèm theo Báo cáo số: 46/BC-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của UBND xã)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản 13	100	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	83,3	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số tổ chức đã kiểm tra	Tổ chức	0	
3.2.	Số cá nhân đã kiểm tra	Cá nhân	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	100	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	100	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	593	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	

6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với	Không = 0	0	
	người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có=1		

Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	

	<i>soát</i>			
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	123	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	14	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	123	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	151	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	17	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			

3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	593	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	593	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	Không có PAKN	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	Không có PAKN	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		

Biểu mẫu 4
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ các tổ chức đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Số tổ chức liên ngành do cấp xã thành lập	Tổ chức		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	18 Người	100 %	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	18 Người	100 %	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại UBND cấp xã	0 Người	0 %	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	0 Người	0 %	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	20 %		
3.	Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu dân cư			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	15 Người	100 %	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	15 Người	100 %	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	%	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	26.09 %		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức			
1.1.	Số cán bộ, công chức đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	18	100 %	
1.2.	Số cán bộ, công chức đã được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	18	100 %	
1.3.	Số cán bộ, công chức không được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	0	0 %	
2.	Tuyển dụng công chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng <i>(thi tuyển, xét tuyển)</i>	0 Người	0 %	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	0 Người	0 %	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	0 Người	0 %	
3.	Số lượng cán bộ, công chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i>.			
3.1.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	0 Người	0 %	
3.2.	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	0 Người	0 %	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	% đồng		
1.1.	Kế hoạch được giao	3.500	100	
1.2.	Đã thực hiện	3.500	100	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		
2.2.	Số Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% <i>chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% <i>chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% <i>chi thường xuyên</i>	Đơn vị	100	
2.5.	Số Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	

2.6.	Số lượng Đơn vị đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0		
------	---	--------	---	--	--

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0	100	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	95 %	126	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	95 %		
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	100%		
6. 6.4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	100%		

6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	100%		
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	30 Thủ tục		

6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	30 Thủ tục		
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	100%		
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	127 Thủ tục		
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	30 Thủ tục		
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	100%		
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả tiếp và trực tuyến)	593 Hồ sơ		
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	127 Hồ sơ		
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	21,4%		

6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	0 Thủ tục			
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	0 Thủ tục			

